

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9**

—oOo—

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
06 tháng đầu năm 2017

Năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
1 Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017	14
Bảng cân đối kế toán	02
Kết quả hoạt động kinh doanh	01
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	01
Thuyết minh báo cáo tài chính	10
2 Báo cáo năm 2016	
Bảng cân đối tài khoản	09
3 Báo cáo chi tiết	
Sổ chi tiết phải thu khách hàng - 131	02
Sổ chi tiết phải thu khác - 138	01
Sổ chi tiết tạm ứng - 141	1
Sổ chi tiết phải trả người bán - 331	1
Sổ chi tiết phải trả khác - 338	2
Tình hình tăng giảm tài sản cố định	03

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số dư 01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,105,175,490,808	1,108,663,714,814
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,743,537,688	17,039,567,820
1. Tiền	111		2,817,277,647	16,113,307,779
2. Các khoản tương đương tiền	112		926,260,041	926,260,041
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		72,526,253,997	74,648,631,684
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	15,934,750,516	35,325,486,602
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,999,572,730	3,945,000,000
3. Các khoản phải thu khác	136	V.4	52,591,930,751	35,378,145,082
IV. Hàng tồn kho	140		1,028,905,699,123	1,016,975,515,310
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1,028,905,699,123	1,016,975,515,310
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		199,250,076,374	102,634,398,694
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		40,764,687,418	32,084,108,158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	40,764,687,418	32,084,108,158
Nguyên giá	222		61,453,696,986	50,726,424,258
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20,689,009,568)	(18,642,316,100)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	V.7	33,000,000	33,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33,000,000)	(33,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	151,985,249,726	64,050,151,306
Nguyên giá	231		154,050,140,266	66,115,041,846
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2,064,890,540)	(2,064,890,540)
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,500,139,230	6,500,139,230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.9	6,500,139,230	6,500,139,230
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,304,425,567,182	1,211,298,113,508

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
 Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,137,449,766,636	1,131,907,797,062
I. Nợ ngắn hạn	310		185,224,410,898	215,778,686,324
1. Phải trả người bán	311	V.10	45,710,526,271	44,741,778,488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	7,629,390,920	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	17,003,649,398	18,752,915,030
4. Phải trả người lao động	314	V.13	-	2,872,364,145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	14,656,274,477	57,922,902,714
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	70,135,278,284	59,465,005,732
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	30,000,000,000	30,000,000,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89,291,548	2,023,720,215
II. Nợ dài hạn	330		952,225,355,738	916,129,110,738
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	290,299,073,577	290,299,073,577
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	304,773,941,800	265,949,296,800
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	357,058,104,184	359,786,504,184
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		94,236,177	94,236,177
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166,975,800,546	79,390,316,446
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	14,617,602,723	14,357,269,097
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10,656,920,542	10,656,920,542
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2,245,114,292	2,245,114,292
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,455,234,263	1,455,234,263
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260,333,626	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		260,333,626	-
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.19	152,358,197,823	65,033,047,349
1. Nguồn kinh phí	431		772,597,428	1,382,545,374
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		151,585,600,395	63,650,501,975
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,304,425,567,182	1,211,298,113,508

Người lập biểu



Đỗ Uyên Mỹ Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuý Trang

Quận 9, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

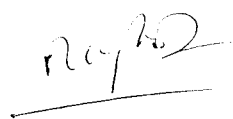
MẪU B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13,145,080,565	14,164,756,421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	13,145,080,565	14,164,756,421
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8,053,603,852	7,850,699,540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,091,476,713	6,314,056,881
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,651,333	31,780,543
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	530,339,329	609,475,007
Trong đó: chi phí lãi vay	23		530,339,329	609,475,007
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4,307,455,091	5,292,102,145
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25-26)	30		260,333,626	444,260,272
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	327,797
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	30,000,000
13. Lợi nhuận khác	40		-	(29,672,203)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	260,333,626	414,588,069
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	52,066,725	475,056,007
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	(377,246,632)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	<u>208,266,901</u>	<u>316,778,694</u>

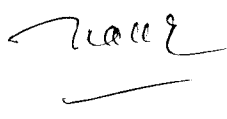
Người lập biểu

Kế toán trưởng

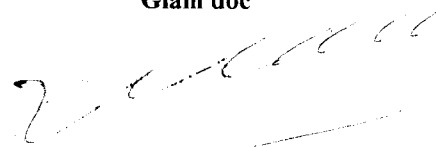
Quận 9, ngày 25 tháng 07 năm 2017
 Giám đốc



Đỗ Uyên Mỹ Hạnh



Nguyễn Thị Thuỳ Trang



Nguyễn Thành Tuấn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

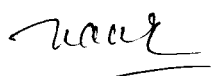
CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		260,333,626	414,588,069
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,852,156,572	1,691,440,299
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,651,333)	(31,780,543)
- Chi phí lãi vay	06		530,339,329	609,475,007
- Điều chỉnh khác	7			
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,636,178,194	2,683,722,832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,122,377,687	(11,221,460,642)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11,930,183,813)	(33,487,474,117)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13,056,390,825	45,437,968,018
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12,996,856,728)	(3,648,920,372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(561,767,433)	(846,038,794)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		127,920,000	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,899,936,800)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,445,878,068)	(1,082,203,075)
II LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,500,000,000)	
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,651,333	31,780,543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,493,348,667)	31,780,543
III LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,356,803,397)	(1,030,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,356,803,397)	(1,030,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(13,296,030,132)	(2,080,422,532)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17,039,567,820	15,938,571,368
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		3,743,537,688	13,858,148,836

Người lập biểu



Đỗ Uyên Mỹ Hạnh

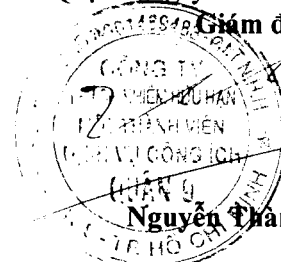
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Quận 9, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Thành Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số : B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I- Đặc điểm hoạt động của Công ty:

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ - Xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh:**

Quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông, công trình đô thị, dịch vụ công cộng theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Quản lý, cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao Quận quản lý theo qui định. Giải tòa, di dời và bố trí tái định cư theo quy hoạch của Thành phố. Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước đô thị. Dịch vụ thương mại, dịch vụ đo đạc bản đồ. Thi công công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế). Tư vấn: lập dự án đầu tư, đấu thầu. Đầu tư xây dựng các dự án dân cư. Thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Dịch vụ đo vẽ nhà, đất. Thi công san lấp mặt bằng, nạo vét kênh rạch - hệ thống thoát nước. Dịch vụ mai táng, cải táng, hòa táng. Xây dựng quản lý nghĩa trang. Kinh doanh nhà trọ. Thu gom, vận chuyển xử lý rác thải độc hại, rác thải y tế (không hoạt động tại trụ sở công ty). Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); thiết kế xây dựng công trình công nghiệp. Giám sát thi công công trình công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, cung cấp dịch vụ công ích (thi công xây dựng các dự án tái định cư, dịch vụ công ích...). Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán :

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính

Công ty đã áp dụng Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015.

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm Báo cáo

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về cung cấp dịch vụ vận chuyển, thu gom rác, cải tạo, duy tu và sửa chữa các công trình, phát quang cây xanh và cho thuê căn hộ,...

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu chỉ hộ tiền quản lý nhà, phải thu hộ tiền bán căn hộ chung cư tái định cư, tạm ứng nhân viên, phải thu BHXH và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:* Tài sản hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định:* Khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu</u>
	<u>hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	3-30
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-8
Thiết bị văn phòng	3

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, kiot do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư (nếu có).

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoài ra, bất động sản của Công ty bao gồm một số dự án, căn nhà thuộc sở hữu Nhà nước do Công ty quản lý, Công ty không thực hiện trích khấu hao và khi bán, các bất động sản này được kết chuyển giảm tương ứng vốn đã nhận được.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 : Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình thủ tục đi vay.

7. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Vốn sở hữu và các quỹ

Vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu được Ngân sách Nhà nước cấp

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo qui định Nhà nước.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng: Doanh thu được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp Đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

10. Hợp đồng xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí chi vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	69,824,314	344,169,732
Tiền gửi ngân hàng	2,747,453,333	15,769,138,047
Các tương đương tiền	926,260,041	926,260,041
Cộng	3,743,537,688	17,039,567,820

2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 9	1,977,767,164	21,962,316,548
Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM	11,177,874,961	9,900,888,365
UBND Phường Long Bình	-	796,862,127
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV	145,541,503	145,541,503
Phòng Lao Động Thương Binh & Xã Hội Quận 9	-	218,696,617
Công nợ tồn đọng nhà thuộc SHNN	2,136,192,360	2,136,192,360
Khác	497,374,528	164,989,082
Tiền	15,934,750,516	35,325,486,602

3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty CP BÊTÔNG 6	-	245,000,000
Cty Thiết kế & Tư vấn Cường Thịnh	35,000,000	35,000,000
CN Tổng Công Ty Điện Lực TP.HCM TNHH - Công Ty Điện lực Thủ Thiêm	77,000,000	77,000,000
Cty CP Công Nghiệp - Giao Thông Đông Hải	28,000,000	303,000,000
Cty TNHH HL (Hòa Linh)	55,000,000	55,000,000
Cty TNHH XD điện Thái Dương	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty TNHH Xây Dựng Thái Hòa	-	50,000,000
Chi nhánh Cty TNHH Xây lắp Điện 2 - Xí Nghiệp Xây Dựng KHác	180,000,000	180,000,000
	624,572,730	-
Cộng	3,999,572,730	3,945,000,000

4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Phải thu về cổ phần hóa	409,104,782	352,132,055
Phải thu phí bảo lãnh dự thầu + Ngân Hàng Nông Nghiệp CN9	266,000,000	520,433,039
Phải thu về các khoản chi hộ	3,378,936,469	3,630,355,319
Phải thu khác	3,337,619,536	461,108,942
Tạm ứng nhân viên	318,889,640	-
Tạm ứng công trình các đội	44,881,380,324	30,414,115,727
Cộng	52,591,930,751	35,378,145,082

5 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,028,905,699,123	1,016,975,515,310
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1,028,905,699,123	1,016,975,515,310

6 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
A. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	33,625,543,386	539,165,324	16,148,805,748	412,909,800	50,726,424,258
Tăng trong kỳ	-	-	10,727,272,728	-	10,727,272,728
- Mua trong kỳ			10,727,272,728	-	10,727,272,728
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					-
- Tự xây dựng					-
- Chuyển từ Bất động sản sang	-				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Giảm trong kỳ	-				-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	33,625,543,386	539,165,324	26,876,078,476	412,909,800	61,453,696,986
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9,890,460,821	495,548,524	7,899,105,288	357,201,467	18,642,316,100
Tăng trong kỳ	644,809,812	16,356,300	1,181,440,458	9,550,002	1,852,156,572.00
- Khấu hao trong kỳ	644,809,812	16,356,300	1,181,440,458	9,550,002	
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang	-				
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	10,535,270,633	511,904,824	9,080,545,746	366,751,469	20,494,472,672
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	23,735,082,565	43,616,800	8,249,700,460	55,708,333	32,084,108,158
Tại ngày cuối năm	23,090,272,753	27,260,500	17,795,532,730	46,158,331	40,959,224,314

7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	33,000,000			33,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	33,000,000	-		33,000,000
Giá trị còn lại	-			-

8 Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	66,115,041,846	98,086,464,000	0	164,201,505,846
Giá trị hao mòn lũy kế	2,064,890,540	-	-	2,064,890,540
Giá trị còn lại	64,050,151,306			162,136,615,306

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

9 Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại do Công ty ghi nhận liên quan đến số tiền tạm thu từ hộ dân/ vốn ngân sách của các dự án tái định cư chưa hoàn thành như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số dư 01/01/2016	6,500,139,230	5,358,470,436
Điều chỉnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh các năm trước		
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	377,246,632
Hoàn nhập vào các khoản thuế (kết chuyển 1 phần DT chưa TT vào DT thực hiện ĐC L.Bừ 1		
Cộng	6,500,139,230	5,735,717,068

10 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lê Văn Đa	-	1,202,610,000
DNTN Đức Phong	6,468,310,934	6,288,559,934
Cty TNHH TM DV Vận Tài Hoàng Tuấn	-	697,000,000
Cty TNHH MTV Ngân Sơn	2,012,699,683	2,434,226,099
Bùi Quang Quốc	-	5,553,823,608
Cty CP XD Tiến Thành	-	966,741,784
Châu Tiếng Tri	26,490,970,043	26,523,805,674
Khác	10,738,545,611	1,075,011,389
	45,710,526,271	44,741,778,488

11 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	7,629,390,920	-
	7,629,390,920	-

12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Phát sinh	Đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	13,677,627,279	(1,175,338,140)	51,526,860	12,450,762,279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,894,016,736	-	561,767,433	4,332,249,303
Thuế thu nhập cá nhân	78,001,558	157,356,047	122,128,552	113,229,053
Thuế đất, tiền thuê đất			-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	103,269,457	101,101,434	96,962,128	107,408,763
<i>Thuế môn bài, phí và lệ phí</i>	<i>12,210,933</i>	<i>101,101,434</i>	<i>96,962,128</i>	<i>16,350,239</i>
<i>Khấu hao cơ bản nhà thuộc SHNN</i>	<i>91,058,524</i>	<i>-</i>		<i>91,058,524</i>
Cộng	18,752,915,030	(916,880,659)	832,384,973	17,003,649,398

13 Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cộng	-	3,092,542,294

14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay phải trả thực hiện các dự án	12,474,456,490	51,774,101,490
Chi phí khác	2,181,817,987	6,148,801,224
Cộng	14,656,274,477	57,922,902,714

15 Phải trả khác

a) Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	70,135,278,284	59,465,005,732
Kinh phí công đoàn	68,116,194	-
Bảo hiểm xã hội		270,097
Nhận tiền đặt cọc	767,800,000	824,800,000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
 Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Phí duy tu bảo dưỡng Chung cư C1-C8		1,376,352,674	801,011,636		
Ban Bồi thường (Chung Cư C1-C8)		56,306,655,708	46,988,752,593		
Các khoản phải trả khác		11,616,353,708	10,850,171,406		
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
b) Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác		304,773,941,800	265,949,296,800		
Nhận vốn góp của Bệnh Viện Triều An- Dự Án: Cụm Công Nghiệp Long Sơn		130,804,645,000	92,000,000,000		
Vốn ngân sách cấp cho công trình khu TĐC Long Bửu Giai đoạn 1		116,139,329,000	116,139,329,000		
Vốn ngân sách cấp cho công trình khu TĐC Long Sơn		57,489,967,800	57,489,967,800		
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng		340,000,000	320,000,000		
Cộng		374,909,220,084	325,414,302,532		
16 Vay và nợ tài chính					
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
a) Vay và nợ ngắn hạn		30,000,000,000	30,000,000,000		
+ Nguyễn Hữu Tài	9.9% /năm	30,000,000,000	30,000,000,000		
b) Vay và nợ dài hạn		357,058,104,184	359,786,504,184		
Vay dài hạn NH NN&PT NT CN9		30,420,576,384	31,588,976,384		
+ NH Nông Nghiệp - Mua xe ép rác	9.30% /năm	969,400,000	2,137,800,000		
+ NH Nông Nghiệp - Mua xe ép rác	9.90% /năm	3,216,377,808	3,216,377,808		
+ NH Nông Nghiệp - Xây dựng trụ sở	9.90% /năm	7,334,381,576	7,334,381,576		
+ NH Nông Nghiệp - Xây dựng TĐC Long Sơn	9.90% /năm	18,900,417,000	18,900,417,000		
Vay dài hạn Quỹ Phát Triển Nhà ở TP.HCM		83,707,527,800	83,707,527,800		
Vay dài hạn NH NN&PT NT CN Mỹ Thành	10.50% /năm	17,540,000,000	19,100,000,000		
Vay dài hạn SACOMBANKK	8% /năm	225,390,000,000	225,390,000,000		
Cộng		387,058,104,184	389,786,504,184		
17 Doanh thu chưa thực hiện					
		290,299,073,577	290,299,073,577		
Cộng		290,299,073,577	290,299,073,577		
18 Vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ Phát triển đầu tư	Lợi nhuận sau thuế chưa nhân thuế	Cộng
01/01/2016	10,656,920,542	2,245,114,292	1,455,234,263	1,821,075,589	16,178,344,686
Lợi nhuận trong năm				2,086,328,907	2,086,328,907
Phân phối lợi nhuận				(9,421,806,017)	(9,421,806,017)
Tăng khác				6,064,781,087	6,064,781,087
Giảm khác				(550,379,566)	(550,379,566)
31/12/2016	10,656,920,542	2,245,114,292	1,455,234,263	-	14,357,269,097
01/01/2016	10,656,920,542	2,245,114,292	1,455,234,263	-	14,357,269,097
Lợi nhuận trong năm				260,333,626	260,333,626
Tăng trong năm					
Phân phối lợi nhuận					-
Tăng khác					-
Giảm khác					-
30/06/2017	10,656,920,542	2,245,114,292	1,455,234,263	260,333,626	14,617,602,723
19 Nguồn kinh phí và các quỹ					
Nguồn kinh phí được cấp trong năm				4,105,493,750	2,434,142,301

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9
 Số 25B, Đường Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, TP. HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

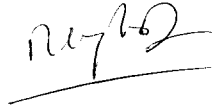
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	1,500,819,631	257,828,600
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	-	1,242,991,031
- Kinh phí thu tiền nhà SHNN	933,322,670	933,322,670
Chi sự nghiệp	3,332,896,322	1,051,596,927
- Chi sự nghiệp năm trước	1,051,596,927	910,081,883
- Chi sự nghiệp năm nay	612,947,946	141,515,044
Cộng	772,597,428	1,382,545,374
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	151,585,600,395	63,650,501,975

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1 Doanh thu	<u>13,145,080,565</u>	<u>14,164,756,421</u>
Cộng	13,145,080,565	14,164,756,421
2 Giá vốn hàng bán	<u>8,053,603,852</u>	<u>7,850,699,540</u>
Cộng	8,053,603,852	7,850,699,540
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi Ngân hàng	6,651,333	31,780,543
Cộng	6,651,333	31,780,543
4 Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	530,339,329	609,475,007
Cộng	530,339,329	609,475,007
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>4,307,455,091</u>	<u>5,292,102,145</u>
Cộng	4,307,455,091	5,292,102,145
6 Thu nhập khác	-	327,797
Cộng	-	327,797
7 Chi phí khác	-	30,000,000
Cộng	-	30,000,000
8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	4,024,956,112	30,114,695,841
Chi phí nhân công trực tiếp	8,396,610,801	32,532,276,729
Chi phí sử dụng máy thi công	144,872,122	1,037,753,798
Chi phí sản xuất chung	7,455,271,686	112,051,022,279
Cộng	20,021,710,721	175,735,748,647
9 Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>260,333,626</u>	<u>414,588,069</u>

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
- Tổng thu nhập chịu thuế	260,333,626	444,588,069
- Thuế suất áp dụng	20%	22%
- Thuế TNDN hiện hành	52,066,725	97,809,375
Công: thuế thu nhập tạm tính trên số tiền thu của các DA TĐC chưa hoàn thành	-	377,246,632
- Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	52,066,725	475,056,007
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	208,266,901	316,778,694

Người lập biểu



Đỗ Uyên Mỹ Hạnh

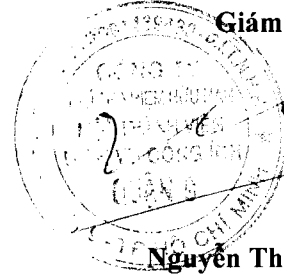
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Quận 9, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Thành Tuấn